

Số: 1881416

|                                                | Kia New Seltos 1.5 Turbo Deluxe | Mazda3 Sport 1.5L Premium |
|------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 654.000.000đ                    | 719.000.000đ              |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                                 |                           |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4365 x 1800 x 1645              | 4660 x 1795 x 1435        |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2610                            | 2725                      |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                            | 5300                      |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 190                             | 145                       |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1234                            | 1340                      |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1690                            | 1790                      |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 433                             | 334                       |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 50                              | 51                        |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                               | 5                         |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                | SX-LR trong nước          |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                                 |                           |
| Loại động cơ                                   | Smartstream 1.5L                | Skyativ-G 1.5L            |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1497                            | 1496                      |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 113 Hp/ 6.300 rpm               | 110 / 6000                |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 144 Nm/ 4.500 rpm               | 146 / 3500                |
| Hộp số                                         | Hộp số vô cấp CVT               | 6AT                       |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                 | Cầu trước (FWD)           |
| Hệ thống treo trước                            | McPherson                       | Độc lập Mc Pherson        |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh cân bằng                  | Thanh xoắn                |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                             | Đĩa                       |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                             | Đĩa                       |
| Thông số lốp xe                                | 215/60 R17                      | 215/45 R18                |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | n/a                             | 7.81                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | n/a                             | 5.04                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | n/a                             | 6.05                      |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                               | ●                         |
| Chế độ lái                                     | Normal/Eco/Sport                | Normal/Sport              |
| Chế độ địa hình                                | Snow/Mud/Sand                   |                           |
| NGOẠI THẤT:                                    |                                 |                           |
| Cụm đèn trước                                  | Halogen                         | LED                       |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                               | ●                         |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                               | ●                         |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | -                               | ●                         |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                               | ●                         |
| Đèn ban ngày LED                               | Halogen                         | ●                         |
| Đèn sương mù                                   | Halogen                         |                           |
| Cụm đèn sau                                    | Halogen                         | LED                       |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                               | ●                         |
| Gạt mưa tự động                                | -                               | ●                         |
| Cửa sổ trời                                    | -                               | -                         |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                          |                                 |                           |

|                                                 |                |                  |
|-------------------------------------------------|----------------|------------------|
| Vô lăng bọc da                                  | ●              | ●                |
| Chất liệu ghế                                   | Da             | Da               |
| Ghế người lái chỉnh cơ                          | ●              |                  |
| Ghế người lái chỉnh điện                        | -              | ●                |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                     | -              | ●                |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ              | ●              | ●                |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện            | -              |                  |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát             | -              |                  |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi                | -              |                  |
| Hàng ghế trước có tính năng massage             | -              |                  |
| Tính năng cửa hít                               | -              |                  |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●              | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | 4.2"           | Analog & Digital |
| Màn hình HUD                                    | -              | ●                |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 10.25"         | 8.8              |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●              | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●              | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | Tự động 2 vùng | 2                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●              | ●                |
| Chìa khóa thông minh                            | ●              | ●                |
| Khởi động nút bấm                               | ●              | ●                |
| Khởi động từ xa                                 | ●              |                  |
| Hệ thống âm thanh                               | 6 loa          | 8 loa            |
| Lấy chuyển số                                   | -              | ●                |
| Sạc không dây Qi                                | -              |                  |
| Phanh đỗ điện tử                                | -              | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | -              | ●                |
| Đèn trang trí nội thất                          | -              |                  |
| Rèm che nắng                                    | -              | -                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●              | ●                |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                |                  |
| Số túi khí                                      | 2              | 7                |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●              | ●                |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●              | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●              | ●                |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●              | ●                |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●              | ●                |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●              | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●              | ●                |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●              | ●                |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | -              | ●                |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | ●              | Trước & Sau      |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | -              | ●                |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | -              | ●                |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | -              | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | -              | ●                |

|                                          |   |   |
|------------------------------------------|---|---|
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ● | ● |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | - |   |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | - | ● |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ● |   |
| Camera lùi                               | ● | ● |